

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Quan trắc, cảnh báo môi trường và Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 4255/QĐ-BNN-KHCN ngày 04/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Chương trình “Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2040”, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo môi trường và Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quan trắc, cảnh báo, giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản nhằm chủ động phòng, chống dịch bệnh, kịp thời cảnh báo và có giải pháp chủ động ứng phó với biến động tiêu cực của môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất của ngành Nông nghiệp.

- Tổ chức triển khai kịp thời, nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát, theo dõi, dự báo, thông tin dịch bệnh để chủ động phòng, chống hiệu quả các loại dịch bệnh động vật thủy sản.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản, là cơ sở đánh giá và dự báo biến động môi trường nuôi trồng thủy sản hàng năm, làm căn cứ để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản, đảm bảo mục tiêu phát triển thủy sản hiệu quả và bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình triển khai nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản phải có sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức (tờ rơi, báo đài, hội thảo, tập huấn...) đảm bảo thường xuyên, nhanh chóng và hiệu quả, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ và người nuôi trồng thủy sản về công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Đảm bảo an toàn và xây dựng phương án xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Phổ biến tuyên truyền Luật Thú y, Luật Thủy sản và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản bằng nhiều hình thức để người dân nắm rõ tầm quan trọng của công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, qua đó chủ động phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản phối hợp với các địa phương tổ chức các lớp tập huấn về công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống, giám sát dịch bệnh động vật thủy; kỹ thuật và kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản cho cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác thú y thủy sản tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn. UBND các xã, phường chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện nhiệm vụ thú y thủy sản tại địa phương căn cứ tình hình nuôi trồng thủy sản chủ động triển khai tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn các hộ sản xuất, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

2. Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

2.1. Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản định kỳ

Triển khai hoạt động quan trắc các yếu tố môi trường vùng nuôi tập trung các đối tượng nuôi chính, có giá trị kinh tế cao của tỉnh (tôm nước lợ, ngao, cá nước ngọt). Cụ thể như sau:

2.1.1. Nguồn nước cấp tôm nước lợ

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc 12 điểm tại các cửa sông, đầu cống cung cấp nước cho vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh.

- Thông số và tần suất quan trắc: Độ mặn, pH, oxy hòa tan (DO), Ammonia tổng cộng (NH_4^+-N), Nitrit (NO_2^--N), Nitrat (NO_3^--N), Phosphat ($\text{PO}_4^{3-}-\text{P}$), Hydrosulfua (H_2S), độ kiềm (CaCO_3), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Vibrio tổng số (Vibrio sp), tổng Coliform quan trắc với tần suất 02 - 04 lần/tháng. Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng (Cd, Hg, Pb, As) quan trắc với tần suất 03 lần/năm.

- Thời gian quan trắc, giám sát: Từ tháng 3 đến tháng 12 hằng năm.

2.1.2. Giám sát ao đại diện nuôi tôm nước lợ

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước trong ao nuôi đại diện các vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại 09 điểm thuộc các xã, phường có hoạt động nuôi tôm nước lợ.

- Thông số và tần suất quan trắc: Độ mặn, pH, oxy hòa tan (DO), Ammonia tổng cộng (NH_4^+-N), Nitrit (NO_2^--N), Nitrat (NO_3^--N), Phosphat ($\text{PO}_4^{3-}-\text{P}$),

Hydrosulfua (H_2S), độ kiềm (CaCO_3), nhu cầu oxy hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Vibrio tổng số (Vibrio sp), tảo độc, tổng Coliform quan trắc với tần suất 02 - 04 tháng/lần.

- Thời gian quan trắc, giám sát: Từ tháng 3 đến tháng 12 hằng năm.

2.1.3. Vùng nuôi ngao

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước tại 04 điểm thuộc các vùng nuôi ngao trọng điểm của tỉnh.

- Thông số và tần suất quan trắc nước nuôi ngao: pH, độ mặn, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{NO}_3^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, H_2S , TSS quan trắc với tần suất 02 - 04 lần/tháng. Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng Cd, Hg, Pb, As quan trắc với tần suất 03 lần/năm.

- Thời gian quan trắc, giám sát: Từ tháng 3 đến tháng 12 hằng năm.

2.1.4. Nguồn nước cấp vùng nuôi cá nước ngọt

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước tại 05 điểm thuộc các khu vực cấp nước cho các vùng nuôi cá nước ngọt trọng điểm trên địa bàn các xã, phường của tỉnh.

- Thông số và tần suất quan trắc: pH, DO, COD, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} , H_2S , TSS, tảo độc, Coliform quan trắc với tần suất 02 - 04 lần/tháng. Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng Cd, Hg, Pb, As quan trắc với tần suất 03 lần/năm.

- Thời gian quan trắc, giám sát: Từ tháng 3 đến tháng 12 hằng năm.

2.1.5. Khu nuôi cá lồng

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước nuôi tại 02 khu vực nuôi cá lồng nước ngọt trên các tuyến sông chính của tỉnh.

- Thông số và tần suất quan trắc: pH, DO, COD, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} , H_2S , TSS, tảo độc, Coliform quan trắc với tần suất 02 - 04 lần/tháng. Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng Cd, Hg, Pb, As quan trắc với tần suất 03 lần/năm.

- Thời gian quan trắc, giám sát: Từ tháng 3 đến tháng 12 hằng năm.

(Thông số và tần suất quan trắc có thể sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư (nếu có)).

2.2. Quan trắc đột xuất

- Thực hiện khi vùng nuôi trồng thủy sản xảy ra hiện tượng thủy sản chết với số lượng lớn hay khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng hoặc môi trường có diễn biến bất lợi cho đối tượng nuôi.

- Thông số quan trắc: Ngoài các thông số môi trường, quan trắc bổ sung một số thông số về bệnh hay xảy ra đối với đối tượng nuôi thủy sản ở vùng quan trắc.

3. Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

3.1. Phòng bệnh cho động vật thủy sản

- Tập trung huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế hiệu quả dịch bệnh trên động vật thủy sản.

- Áp dụng các biện pháp phòng bệnh, chống dịch, xử lý ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành; định kỳ kiểm tra trại sản xuất, ao, hồ, lồng, bè nuôi thủy sản; thu, mẫu gửi xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có dịch bệnh phát sinh; xử lý động vật thủy sản mắc bệnh, chết; tổ chức vệ sinh, tiêu độc, khử trùng dụng cụ và nơi sản xuất.

- Áp dụng các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh; tuân thủ các quy định về điều kiện cơ sở nuôi; xử lý chất thải trong sản xuất, nuôi trồng thủy sản; sử dụng nguồn giống chất lượng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng

- Áp dụng các quy trình sản xuất, nuôi trồng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thực hiện các biện pháp hỗ trợ nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh.

3.2. Giám sát dịch bệnh động vật thủy sản

- Giám sát bị động: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp, báo cáo thông tin dịch bệnh. Trường hợp phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bất thường, chết nhiều không rõ nguyên nhân, nghi mắc bệnh thì tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm xác định nguyên nhân và lấy mẫu nước để kiểm tra các thông số môi trường.

- Giám sát chủ động: Tổ chức giám sát chủ động tại các cơ sở, khu vực sản xuất giống, cơ sở nuôi thương phẩm; xây dựng và thực hiện kế hoạch lấy mẫu, xét nghiệm để xác định tác nhân gây bệnh trên thủy sản nuôi: Trên tôm nuôi nước lợ (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) các bệnh nguy hiểm đang lưu hành như bệnh Đốm trắng do vi rút (WSSV), bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô do vi rút (IHHNV), bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính do *Vibrio parahaemolyticus* (AHPND), bệnh Vi bào tử trùng ký sinh trùng (EHP); bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi có nguy cơ xâm nhiễm vào trong nước như hội chứng Taura (TS), đầu vàng (YHD), hoại tử gan tụy (NHP), hoại tử cơ (IMN),... trên nhuyễn thể (ngao, hào..), bệnh do Perkinsus (tác nhân *P. marinus*, *P. olsenni*). Trên cá nước ngọt kiểm tra sự lưu hành của một số bệnh như bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVC), bệnh do Koi Herpes virus (KHV), nhiễm khuẩn, nấm, ký sinh trùng.

3.3. Điều tra ổ dịch, các biện pháp xử lý ổ dịch và chống dịch

3.3.1. Điều tra ổ dịch

- Nguyên tắc điều tra ổ dịch: Điều tra ổ dịch chỉ được thực hiện đối với ổ dịch bệnh mới xuất hiện; ổ dịch thuộc Danh mục bệnh phải công bố dịch xảy ra ở phạm vi rộng, làm chết nhiều động vật thủy sản, khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc chủ cơ sở nuôi. Điều tra ổ dịch được thực hiện trong vòng 01 ngày đối với vùng đồng bằng và 02 ngày đối với vùng sâu vùng xa, kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông tin động vật thủy sản chết, có dấu hiệu mắc bệnh. Thông tin về ổ dịch phải được thu thập chi tiết, đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi điều tra.

- Nội dung điều tra ổ dịch: Thu thập thông tin ban đầu về các chỉ tiêu quan trắc môi trường ở thời điểm trước và trong thời gian xảy ra dịch bệnh; xác định

các đặc điểm dịch tễ cơ bản và sự tồn tại của ổ dịch; truy xuất nguồn gốc ổ dịch. Điều tra và cập nhật thông tin về ổ dịch tại cơ sở có động vật thủy sản mắc bệnh, gồm: Kiểm tra, đối chiếu với những thông tin được báo cáo trước đó; các chỉ tiêu, biến động môi trường (nếu có); kiểm tra lâm sàng, số lượng, loài, lứa tuổi, ngày phát hiện động vật thủy sản mắc bệnh; diện tích (hoặc số lượng) động vật thủy sản mắc bệnh, độ sâu mực nước nuôi, diện tích (hoặc số lượng) thả nuôi; thức ăn, thuốc, hóa chất đã được sử dụng; hình thức nuôi, quan sát diễn biến tại nơi có dịch bệnh động vật thủy sản; nguồn gốc con giống, kết quả xét nghiệm, kiểm dịch trước khi thả nuôi; mô tả diễn biến của ổ dịch theo thời gian, địa điểm, động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh; đánh giá về nguyên nhân ổ dịch; đề xuất tiến hành nghiên cứu các yếu tố nguy cơ; lấy mẫu kiểm tra bệnh khi cần thiết để xét nghiệm xác định mầm bệnh; tổng hợp, phân tích, đánh giá và đưa ra chẩn đoán xác định ổ dịch, xác định dịch bệnh, phương thức lây lan; Báo cáo kết quả điều tra ổ dịch, nhận định, dự báo tình hình dịch bệnh trong thời gian tiếp theo, đề xuất các biện pháp phòng, chống dịch.

3.3.2. Các biện pháp xử lý ổ dịch và chống dịch

- Khi trên địa bàn tỉnh xuất hiện ổ dịch thuộc Danh mục bệnh động vật thủy sản phải công bố dịch và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới: Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp xử lý ổ dịch ngay từ khi mới phát sinh theo các quy định của Luật Thú y và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của UBND tỉnh nhằm khống chế kịp thời không để dịch lây lan ra diện rộng như công bố dịch; tổ chức chống dịch trong vùng có dịch (gồm đặt biển báo ổ dịch, khu vực có dịch; kiểm soát và hướng dẫn việc đi lại trong khu vực có dịch; kiểm soát việc vận chuyển sản phẩm động vật thủy sản ra vào vùng có dịch; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nơi sản xuất, phương tiện, dụng cụ, nước thải và chất thải trong nuôi trồng đảm bảo điều kiện vệ sinh thú ý hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; chủ cơ sở nuôi thực hiện xử lý động vật thủy sản mắc bệnh bằng một trong các hình thức thu hoạch thủy sản mắc bệnh, chữa bệnh, tiêu hủy động vật thủy sản mắc bệnh. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa có động vật mắc bệnh nhưng thuộc vùng có dịch cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn mầm bệnh xâm nhập, nâng cao sức đề kháng cho động vật thủy sản nuôi, tăng cường giám sát dịch bệnh chủ động nhằm phát hiện sớm động vật thủy sản mắc bệnh).

- Tập trung huy động các nguồn lực để nhanh chóng kiểm soát, khống chế dịch bệnh. Kiểm tra, thẩm định công bố hết dịch theo quy định để tạo điều kiện cho lưu thông, tái sản xuất. Áp dụng các biện pháp nuôi an toàn sinh học, các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh; tuân thủ các quy định về điều kiện cơ sở nuôi trồng; xử lý chất thải, nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; tuân thủ các quy định về công tác kiểm dịch vận chuyển, buôn bán vận chuyển các sản phẩm động vật thủy sản trong vùng có dịch. Yêu cầu chủ các cơ sở nuôi phải báo cáo kịp thời diễn biến dịch bệnh cho chính quyền/cơ quan chuyên môn để đảm bảo sự can thiệp sớm nhất, tránh lây lan ra diện rộng.

3.4. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

- Khi xảy ra dịch: Chủ cơ sở nuôi thực hiện vệ sinh, khử trùng môi trường, dụng cụ nuôi và diệt các loại động vật trung gian truyền bệnh bằng hoá chất được phép sử dụng đảm bảo không còn mầm bệnh, dư lượng hóa chất; thông báo cho cơ sở nuôi liên kề, có chung nguồn cấp, thoát nước để áp dụng các biện pháp phòng bệnh hiệu quả. Những người tham gia quá trình xử lý, tiêu hủy thủy sản mắc bệnh phải thực hiện việc vệ sinh cá nhân để tiêu diệt mầm bệnh, không làm phát tán mầm bệnh ra ngoài môi trường và cơ sở nuôi khác.

- Khi chưa có dịch xảy ra: Chủ cơ sở nuôi cần áp dụng các biện pháp phòng bệnh tổng hợp; thực hiện nuôi an toàn sinh học và thường xuyên thực hiện vệ sinh môi trường, dụng cụ và khu vực nuôi thủy sản. Tăng cường chăm sóc và nâng cao sức đề kháng cho thủy sản. Căn cứ tình hình thực tế, các địa phương chủ động triển khai thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường nuôi và khu vực xung quanh để tiêu diệt tác nhân gây bệnh.

3.5. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản

Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân triển khai xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-BNNMT ngày 11/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có tiềm năng xây dựng vùng, cơ sở nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh nhằm đáp ứng tiêu dùng trong tỉnh, ngoài tỉnh và xuất khẩu.

3.6. Kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển giống thủy sản; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành các quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh. Xử lý nghiêm các vi phạm như trốn tránh việc kiểm tra của cơ quan chức năng, vận chuyển giống thủy sản không có giấy chứng nhận kiểm dịch, có giấy chứng nhận kiểm dịch nhưng không hợp lệ, giấy vận chuyển, phiếu kết quả xét nghiệm... theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí: Ngân sách Tỉnh.

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 11.000.000.000 đồng (Mười một tỷ đồng); trong đó thực hiện cho mỗi năm là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng), dự kiến như sau:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí một năm	Kinh phí giai đoạn 2026 - 2030
1	Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản	1.700.000.000	8.500.000.000
2	Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	500.000.000	2.500.000.000
TỔNG CỘNG		2.200.000.000	11.000.000.000

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả đúng thời gian, tiến độ và theo đúng quy định. Trên cơ sở ngân sách cấp và căn cứ tình hình thực tế triển khai thực hiện phù hợp, hiệu quả công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Căn cứ tình hình sản xuất và nhu cầu thực tế của địa phương, hàng năm xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và dự trù kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phân công cán bộ giám sát, kịp thời thông báo, hướng dẫn giải pháp khắc phục, xử lý, phòng ngừa về môi trường nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản. Sớm phát hiện các diễn biến bất thường về môi trường, dịch bệnh tại các địa phương, tổ chức khắc phục và báo cáo theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thực hiện công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường, dịch bệnh động vật thủy sản trên cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

- Đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch này khi cần thiết hoặc khi có hướng dẫn, điều chỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

3. Các Sở, ngành: Y tế, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ động phối hợp với các địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các xã, phường triển khai thực hiện tốt kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình

Chủ động phối hợp với ngành Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân triển khai công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

5. UBND các xã, phường

- Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định tại Quyết định số 16/2016/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành quy chế, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo sản xuất; triển khai công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh kịp thời, hiệu quả; tổng hợp kết quả, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Chỉ đạo quản lý chặt chẽ công tác phát triển sản xuất và nuôi thủy sản. Tổng hợp số liệu thiệt hại do dịch bệnh gây ra, chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định về công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho cơ sở nuôi tự giác, tuân thủ quy định của nhà nước; thực hiện nuôi an toàn sinh học, chủ động giám sát và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, chấp hành các quy định về phòng, chống dịch.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy sản - Kiểm ngư) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; | (để
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh; | b/c)
- Các sở, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng